TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HÓA** Bản án số: 49/2026/HS-ST Ngày 13-05-2026	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Công Tuấn.

*Các hội thẩm nhân dân:*1. Ông Lê Xuân Lâm; 2. Bà Hoàng Thị Kim.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa: Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2026/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Phạm Hùng D, giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 10 năm 1994, tại xã N, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD 038094010658 cấp năm 2021. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; họ và tên bố: Phạm Hùng M, sinh năm 1964; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ và tên mẹ: Cao Thị T, sinh năm 1966; nghề nghiệp: Trồng trọt; hiện ở thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2025 đến ngày 15/11/2025, tạm giam từ ngày 15/11/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Y (Cơ sở 2), Công an tỉnh T; (Có mặt tại phiên tòa).

2. Cao Viết T1, giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 4 năm 1998, tại xã N, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; họ và tên bố: Cao Viết D1, sinh năm 1964; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ và tên mẹ: Hà Thị T2, sinh năm 1967; nghề nghiệp: Lao động tự do; hiện ở thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba; họ và tên vợ: Lò Thị T3, sinh năm 2002; nghề nghiệp: Lao động tự do; hiện ở thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa; con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2025 đến ngày 15/11/2025, tạm giam từ ngày 15/11/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Y (Cơ sở 2), Công an tỉnh T; (Có mặt tại phiên tòa).

3. Phạm Văn Đ, giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12 tháng 8 năm 1993, tại xã T, tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; họ và tên bố: Phạm Văn C, sinh năm 1966; nghề nghiệp: Trồng trọt; họ và tên mẹ: Cao Thị D2, sinh năm 1970; nghề nghiệp: Trồng trọt; hiện ở thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; họ và tên vợ: Hà Thị C1, sinh năm 1996 (đã ly hôn); bị cáo có 01 con sinh năm 2014; Tiền án: Ngày 08/7/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa) xử phạt 46 tháng tù về các tội "Cưỡng đoạt tài sản" và "Hủy hoại tài sản" theo Bản án số 35/2021/HS-ST, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/02/2024, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/11/2025 đến ngày 16/11/2025, tạm giam từ ngày 16/11/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Y (Cơ sở 2), Công an tỉnh T; (Có mặt tại phiên tòa).

Những người làm chứng:

1. Phạm Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Cao Thị D2, sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

3. Phạm Phúc A, sinh năm 2005.

Địa chỉ: thôn I, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

4. Bùi Văn S, sinh năm 1995.

Địa chỉ: thôn T, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

5. Pnhạm Hùng C2, sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

6. Cao Viết D1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

7. Phạm Hùng M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 08/11/2025, Phạm Hùng D, trú tại thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa gọi điện cho Bùi Văn S hỏi vay số tiền 1.000.000 đồng với lý do để trả tiền mua bột cho gà, S đồng ý cho D vay tiền. Sau khi vay được tiền, D đến nhà Cao Viết T1, trú cùng thôn G, xã N rủ T1 cùng sử dụng ma túy thì T1 đồng ý.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, Phạm Hùng D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36K5-159.44, nhãn hiệu Honda Future FI, màu xanh xám đi về hướng xã T,

tỉnh Thanh Hóa để tìm mua ma túy. Trong thời gian D đi mua ma túy thì Cao Viết T1 ở nhà chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy. T1 ra khu vực trước sân nhà nhặt một vỏ chai nhựa và ra bờ rào lấy một đoạn ống tre mang vào nhà, dùng dao nhọn đục một lỗ trên thân chai nhựa rồi cắm đoạn ống tre vào thân chai đã đục lỗ, bỏ một ít nước lọc vào để chế tạo bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Sau đó T1 lấy giấy bạc có sẵn trong nhà mang vào phòng ngủ cất để chờ D mang ma túy về.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Hùng D liên lạc với Phạm Văn Đ, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hóa hỏi mua ma túy để sử dụng. Đ đồng ý bán cho D 07 viên ma túy loại hồng phiến với giá 1.200.000 đồng. Sau đó, D điều khiển xe mô tô đến khu vực ngã ba thuộc thôn B, xã T để mua ma túy của Đ. Tại đây, Đ giao cho D 07 viên ma túy loại Methamphetamine, D đưa cho Đ số tiền 1.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản thêm 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, D cất ma túy vào túi quần phía sau bên trái rồi điều khiển xe quay về nhà T1.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, D đến nhà Cao Viết T1, lấy túi ma túy ra để xuống sàn nhà phòng ngủ của T1. Sau đó D lấy 01 viên hồng phiến đặt lên giấy bạc mà T1 đã chuẩn bị từ trước rồi dùng bật lửa đốt phía dưới để ma túy nóng chảy tạo thành khói, đồng thời sử dụng bộ dụng cụ do T1 chuẩn bị để hút khói ma túy. Sau khi D sử dụng xong, T1 tiếp tục lấy 01 viên ma túy khác từ túi ma túy dưới sàn nhà, dùng giấy bạc quấn lại rồi sử dụng bật lửa và bộ dụng cụ trên để hút ma túy giống như D. D và T1 thay phiên nhau sử dụng ma túy, mỗi người hút khoảng từ 04 đến 05 hơi. Sau khi sử dụng xong, D vò giấy bạc rồi vứt ra ngoài cửa sổ. Số ma túy còn lại gồm 05 viên, D bảo T1 cất đi để sử dụng tiếp vào lần sau. Thông cất số ma túy này vào tủ cạnh đầu giường ngủ, còn D cất bộ dụng cụ sử dụng ma túy ở góc cửa phòng ngủ giáp nhà vệ sinh rồi ra về.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Cao Viết T1 đến Công an xã N đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời giao nộp 05 viên ma túy cùng bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa không nhãn mác màu trắng, nắp chai màu vàng, trên thân chai có gắn 01 ống tre; 01 ống nhựa màu trắng vàng và 01 bật lửa gas màu xanh đã qua sử dụng. Đến khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, Phạm Hùng D cũng đến Công an xã N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 10/11/2025, Phạm Văn Đ đến Công an xã N đầu thú và khai nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho Phạm Hùng D.

Tại Kết luận giám định số 4354/KL-KTHS ngày 14/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: 05 viên nén hình tròn màu đỏ của túi niêm phong mã số NP0444 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,519 gam, loại Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 4360/KL-KTHS ngày 14/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine bám dính

bên trong ống nhựa màu trắng vàng và chai nhựa không nhãn mác màu trắng, nắp chai màu vàng, trên thân chai có gắn ống tre gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 4359/KL-KTHS ngày 14/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Phạm Hùng D và Cao Viết T1 gửi giám định.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã tiến hành thu giữ, tạm giữ các tài liệu, đồ vật có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, gồm:

- 01 phong bì niêm phong bên trong chứa 04 viên nén hình tròn màu đỏ, có tổng khối lượng 0,414 gam là mẫu vật còn lại sau giám định;
- 01 bật lửa gas màu xanh đã qua sử dụng;
- 01 ống nhựa màu trắng vàng;
- 01 chai nhựa không nhãn mác màu trắng, nắp chai màu vàng, trên thân chai có gắn 01 ống tre;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A96, màu đen thu giữ của Phạm Hùng D.

Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Kho vật chứng của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thanh Hóa để bảo quản, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-159.44, nhãn hiệu Honda Future FI, màu xanh xám là tài sản của anh Phạm Hùng C2, trú tại thôn G, xã N, tỉnh Thanh Hóa cho Phạm Hùng D mượn sử dụng. Quá trình điều tra xác định anh C2 không biết việc D sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36L1-085.66, nhãn hiệu Honda Lead, màu trắng do Phạm Văn Đ sử dụng đi bán ma túy cho D, quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Phạm Thị H, trú tại thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa; chị H không biết việc Đ sử dụng xe để đi bán ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị H và đã trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại Bản cáo trạng số 77/CT-VKSKV10 ngày 20/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Phạm Hùng D và Cao Viết T1 về các tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Phạm Văn Đ về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: các bị các **Phạm Hùng D, Cao Viết T1**, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 của Bộ luật hình sự; **Phạm Văn Đ,** về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng:

+ Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Phạm Hùng D. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hùng D từ 42 đến 45 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Phạm Hùng D. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hùng D từ 45 đến 48 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung xử phạt bị cáo Phạm Hùng D mức án từ 87 đến 93 tháng tù, bị cáo được trừ đi thời gian giam giữ.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Cao Viết T1. Đề nghị xử phạt bị cáo Cao Viết T1 từ 39 đến 42 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 38 BLHS đối với Cao Viết T1. Đề nghị xử phạt bị cáo Cao Viết T1 từ 45 đến 48 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung xử phạt bị cáo Cao Viết T1 mức án từ 84 đến 90 tháng tù, bị cáo được trừ đi thời gian giam giữ.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS đối với Phạm Văn Đ. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ mức án từ 51 đến 54 tháng tù, bị cáo được trừ đi thời gian giam giữ.

Xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong chứa 04 viên nén hình tròn màu đỏ, có tổng khối lượng là 0,414g là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 bật lửa ga màu xanh; 01 ống nhựa màu trắng vàng và 01 chai nhựa không nhãn mác màu trắng, nắp chai nhựa màu vàng, trên thân chai có gắn một ống tre.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A96, màu đen thu giữ của Phạm Hùng D là công cụ mà D dùng để liên lạc trao đổi mua ma túy với Đ.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX tuyên: Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Phạm Văn Đ số tiền 1.200.000 đồng do phạm tội mà có.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS, khoản 1 Điều 6 và

điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung gì với quan điểm của Đại diện VKSND khu vực 10 – Thanh Hóa.

Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Hùng D, Cao Viết T1 và Phạm Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám xét, thu giữ vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 08/11/2025, Phạm Hùng D đã mua của Phạm Văn Đ 07 viên ma túy loại Methamphetamine với giá 1.200.000 đồng nhằm mục đích sử dụng. Sau khi mua được ma túy, D mang đến nhà Cao Viết T1 để cùng sử dụng. Tại đây, T1 đã chuẩn bị địa điểm và các dụng cụ sử dụng ma túy như chai nhựa, ống tre, giấy bạc, bật lửa. Sau đó D và T1 cùng sử dụng trái phép chất ma túy, số ma túy còn lại 05 viên được T1 cất giấu tại nhà để sử dụng tiếp. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, T1 và D lần lượt đến Công an xã N đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội; ngày 10/11/2025, Phạm Văn Đ cũng đến đầu thú và khai nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho D. Kết quả giám định xác định 05 viên nén thu giữ có tổng khối lượng 0,519 gam là ma túy loại Methamphetamine.

Hành vi của bị cáo Phạm Hùng D và Cao Viết T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm phát sinh các tệ nạn và nhiều loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm đơn giản, bị cáo Phạm Hùng D là người khởi xướng, trực tiếp vay tiền, tìm nguồn mua ma túy, trực tiếp mua ma túy rồi mang đến nhà T1 để cùng sử dụng nên giữ vai trò chính. Bị cáo Cao Viết T1 tuy không trực tiếp mua ma túy nhưng đã chuẩn bị địa điểm, dụng cụ để sử dụng ma túy và cất giấu số ma túy còn lại nên có vai trò đồng phạm giúp sức tích cực. Đối với bị cáo Phạm Văn Đ là người trực tiếp bán trái phép chất ma túy cho D nhằm mục đích thu lợi bất chính phạm tội độc lập.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện đến cơ quan Công an đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Hùng D và Cao Viết T1 có thân nhân là người có công với cách mạng nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Đối với bị cáo Phạm Văn Đ, bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Phạm Hùng D cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Cao Viết T1 do giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Phạm Văn Đ cần xử phạt nghiêm tương xứng với tính chất hành vi mua bán trái phép chất ma túy và nhân thân xấu của bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với số ma túy còn lại sau giám định; bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm chai nhựa, ống nhựa, ống tre, bật lửa là vật cấm lưu hành và công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với điện thoại di động của bị cáo Phạm Hùng D sử dụng liên lạc liên quan hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS.

Đối với số tiền 1.200.000 đồng bị cáo Phạm Văn Đ thu được từ việc bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Phạm Hùng D, gồm 1.000.000 đồng tiền mặt và 200.000 đồng chuyển khoản, đây là khoản tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu, tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[9] Đối với người cho bị cáo D vay tiền là anh Bùi Văn S, quá trình điều tra xác định không biết D sử dụng tiền để mua ma túy nên không có căn cứ xử lý hình sự là phù hợp.

Đối với người tên Phúc A theo lời khai của bị cáo Đ là người bán ma túy cho Đ, do chưa xác minh được lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý là có cơ sở.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 55; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Hùng D và Cao Viết T1;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn Đ;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106; các Điều 135, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Phạm Hùng D và Cao Viết Thông phạm các tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".
- Bị cáo Phạm Văn Đ phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Phạm Hùng D 42 (Bốn hai) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; 45 (Bốn lăm) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Hùng D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 87 (Tám mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2025.

- Xử phạt bị cáo Cao Viết T1 39 (Ba mươi chín) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; 45 (Bốn mươi lăm) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Cao Viết T1 phải chấp hành

hình phạt chung của hai tội là 84 (Tám mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/11/2025.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 54 (Năm mươi tư) tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/11/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Phạm Hùng D, Cao Viết T1 và Phạm Văn Đ.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau: 01 (một) phong bì niêm phong bên trong chứa 04 viên nén hình tròn màu đỏ có tổng khối lượng 0,414 gam là mẫu vật còn lại sau giám định; 01 (một) bật lửa gas màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) ống nhựa màu trắng vàng; 01 (một) chai nhựa không nhãn mác màu trắng, nắp chai màu vàng, trên thân chai có gắn 01 ống tre.

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A96, màu đen.

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 44 ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thanh Hóa và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T.

- Về biện pháp tư pháp: Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Phạm Văn Đ số tiền 1.200.000 đồng do phạm tội mà có.

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Hùng D, Cao Viết T1 và Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSNDKV10 – Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Công Tuấn